

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn
Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 02/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt rà soát quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; Đánh giá tình hình phân loại đô thị; Đề xuất kế hoạch 5 năm cho công tác phân loại, Chương trình phát triển đô thị theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 02/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;



Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND huyện Hòn Đất về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trung tâm thị trấn Sóc Sơn. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán Chương trình phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp số 1943/BB-SXD ngày 14/10/2020 của Sở Xây dựng Hội đồng thẩm định Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn huyện Hòn Đất theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Báo cáo số 527/BC-SXD ngày 30/3/2021 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định Chương trình phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 528/TTr-SXD ngày 30/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 với các nội dung như sau:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển

1.1. Quan điểm

- Phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn đảm bảo phù hợp Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, phù hợp Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2025;

- Đảm bảo việc sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển đô thị, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội.

1.2. Mục tiêu

- Trên cơ sở rà soát thực trạng phát triển để cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn theo tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V cần đạt được cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm.

- Xác định lộ trình đầu tư xây dựng các khu vực phát triển đô thị; xác định danh mục, nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo các giai đoạn



Trên cơ sở điều tra, đánh giá các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh, làm cơ sở xác định chất lượng phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn theo các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

2.1. Đến năm 2021

- Về nhà ở:

+ Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 27,5 m²/người (so với yêu cầu đạt 26,5m²/ người).

+ Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 85%.

- Về giao thông:

+ Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt 11%.

+ Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đạt 2,5% (so với yêu cầu đạt 1%).

- Về cấp nước:

+ Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 80%, tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày-đêm.

+ Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 25%.

- Về thoát nước mưa và xử lý nước thải:

+ Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 70-80% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị.

+ Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 10%.

- Về quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 73% (so với yêu cầu đạt 60%).

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 73% (so với yêu cầu đạt 60%).

+ Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 90% (so với yêu cầu đạt 85%).

+ Có 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm.

+ Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 85%.

- Về chiếu sáng công cộng:

+ Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95% (so với yêu cầu đạt 80%).

+ Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt 60% (so với yêu cầu đạt 50%).

- Về cây xanh đô thị:

+ Đất cây xanh toàn đô thị đạt $5\text{m}^2/\text{người}$.

+ Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị đạt $3,1\text{m}^2/\text{người}$ (so với yêu cầu đạt $3\text{m}^2/\text{người}$).

2.2. Đến năm 2025

- Về nhà ở:

+ Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt $\geq 29\text{m}^2/\text{người}$.

+ Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt $\geq 90\%$.

- Về giao thông:

+ Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt $\geq 16\%$.

+ Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đạt $\geq 2,5\%$ (so với yêu cầu đạt 2%).

- Về cấp nước:

+ Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt $\geq 95\%$, tiêu chuẩn cấp nước ≥ 100 lít/người/ngày-đêm.

- Về thoát nước mưa và xử lý nước thải:

+ Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80-90% trở lên diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị.

+ Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt $\geq 15\%$.

+ Các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%.

+ Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 95%.

- Về quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt $\geq 73\%$ (so với yêu cầu đạt $\geq 70\%$).

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt $\geq 73\%$ (so với yêu cầu đạt $\geq 65\%$).

+ Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt $\geq 90\%$ (so với yêu cầu đạt 85%).

- Về chiếu sáng công cộng:

+ Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt $\geq 95\%$ (so với yêu cầu đạt 90%).

+ Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt $\geq 70\%$.

- Về cây xanh đô thị:

+ Đất cây xanh toàn đô thị đạt $\geq 7\text{m}^2/\text{người}$.



+ Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị đạt $4m^2/\text{người}$.

3. Danh mục, lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn đến năm 2025

Tập trung đầu tư xây dựng 02 khu vực phát triển đô thị (cải tạo và mở rộng trung tâm thị trấn) thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 được duyệt, quy mô khoảng 118,14ha (phân vùng I) theo lộ trình sau:

3.1. Đến năm 2021:

Khu 1: Rộng 54,89ha, là khu trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, công trình thương mại của thị trấn.

3.2. Đến năm 2025:

Đầu tư xây dựng khu vực phát triển đô thị khu vực còn lại, phân vùng II thuộc phần mở rộng trung tâm thị trấn, gồm: Khu 2: 63,25ha, là khu dân cư văn hóa, thể thao - dịch vụ, giáo dục.

4. Danh mục các dự án hạ tầng khung, công trình đầu mối ưu tiên theo từng giai đoạn kết nối các khu vực phát triển đô thị

4.1. Các dự án theo Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm thị trấn Sóc Sơn được duyệt tại Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND huyện Hòn Đất

- (1) Dự án đường giao thông với tổng chiều dài khoảng 19,31km.
- (2) Dự án xây dựng mới mạng lưới cấp nước, tuyến đường ống PVC Ø60 đến Ø150 với tổng chiều dài khoảng 21,53km.
- (3) Dự án xây dựng mới tuyến cấp trung, hạ thế với tổng chiều dài khoảng 21,83km.
- (4) Dự án xây dựng mới 07 trạm biến áp với công suất khoảng 1750kva.
- (5) Dự án xây dựng mới tuyến lưới điện chiếu sáng (cáp ngầm) với tổng chiều dài khoảng 19,87km.
- (6) Dự án xây dựng mới, cải tạo hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt với tổng chiều dài khoảng 32,78km.
- (7) Dự án xây dựng mới bến xe.
- (8) Dự án xây dựng mới công viên cây xanh đô thị.
- (9) Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan ban ngành, đoàn thể.
- (10) Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình giáo dục.
- (11) Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình văn hóa, thể thao.
- (12) Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình thương mại, dịch vụ.
- (13) Dự án cải tạo, sửa chữa công trình tôn giáo.



(14) Dự án xây dựng các khu nhà ở.

4.2. Các dự án theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chuyên ngành

(1) Dự án hệ thống giao thông theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch giao thông nông thôn với tổng chiều dài khoảng 10,65km.

(2) Dự án nâng cấp tuyến cấp trung, hạ thế với tổng chiều dài khoảng 22,1km.

(3) Dự án nâng cấp trạm biến áp với công suất khoảng 713KVA.

(4) Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Sóc Sơn, quy mô khoảng 0,07ha.

(5) Dự án cải tạo, sửa chữa trường tiểu học và mẫu giáo, quy mô khoảng 20 phòng học.

(6) Dự án cải tạo, sửa chữa công trình Bệnh viện Sóc Xoài, tại thị trấn Sóc Sơn, quy mô 60 giường.

(7) Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình Trung tâm văn hóa, quy mô khoảng 4ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Xây dựng:

Hướng dẫn, phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất triển khai xây dựng các tiêu chí đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; các hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; đề án phân loại đô thị thị trấn Sóc Sơn theo quy định hiện hành và kế hoạch, lộ trình đề ra.

2. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất:

- Tổ chức công bố, lưu trữ hồ sơ và cung cấp thông tin đến các tổ chức, cá nhân liên quan; xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, 5 năm để huy động các nguồn lực thực hiện; tổ chức tạo quỹ đất cho các dự án phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được xác định trong Chương trình phát triển đô thị thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 đã được phê duyệt.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các Đề cương, Dự toán và trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các Đề cương, Dự toán và trình thẩm định, công nhận đề án phân loại đô thị Hòn Đất theo quy định và kế hoạch, lộ trình đề ra.

- Định kỳ 06 tháng, hàng năm, tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình triển khai Chương trình phát triển đô thị ở địa phương, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng).



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hòa Đức và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (05b);
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KI CHỨC CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Nhân





PHỤ LỤC

Danh mục các dự án theo từng giai đoạn phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt (hạ tầng khung và công trình đầu tư ưu tiên các dự án kết nối các khu vực phát triển đô thị và nguồn lực thực hiện
(Kèm theo Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Đơn vị	Phân theo giai đoạn						Nguồn vốn thực hiện
			Tổng cộng	Năm 2020-2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Dự án theo quy hoạch được duyệt (Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND huyện Hòn Đất)								
I	Hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu tư ưu tiên hạ tầng kỹ thuật								
1	Đường giao thông	km	19,31	3,90	3,90	3,90	3,90	3,71	Ngân sách nhà nước (NSNN)
	Khu 1	km	10,93	2,20	2,20	2,20	2,20	2,13	
	Khu 2		8,38	1,70	1,70	1,70	1,70	1,58	
2	Mạng lưới cấp nước, tuyến đường ống PVC Ø60 đến Ø150	km	21,53	4,20	4,20	4,20	4,20	4,73	NSNN
	Khu 1	km	10,73	2,20	2,20	2,20	2,20	1,93	
	Khu 2		0,80	2,00	2,00	2,00	2,00	2,80	
3	Tuyến cáp trung, hạ thế	km	21,83	4,30	4,30	4,30	4,30	4,63	NSNN
	Khu 1	km	8,85	1,70	1,70	1,70	1,70	2,05	
	Khu 2		12,98	2,60	2,60	2,60	2,60	2,58	
4	Trạm biến áp	kva	1.750,00	500,00	250,00	250,00	250,00	500,00	NSNN
	Khu 1 (04 trạm, 250kva/trạm)	kva	1.000,00	250,00	250,00	-	250,00	250,00	
	Khu 2 (03 trạm, 250kva/trạm)		750,00	250,00	-	250,00	-	250,00	
5	Tuyến lưới điện chiếu sáng (cáp ngầm)	km	19,87	4,00	4,00	4,00	4,00	3,87	NSNN
	Tuyến lưới điện chiếu sáng (cáp ngầm)	km	19,87	4,00	4,00	4,00	4,00	3,87	
6	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt	km	32,78	6,00	6,00	6,00	6,00	8,78	NSNN
	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải (hệ thống cống BTCT Ø400 đến Ø1000)	km	32,78	6,00	6,00	6,00	6,00	8,78	
7	Xây dựng bến xe	ha	0,76	0,30	0,15	0,15	0,08	0,08	NSNN
	Bến xe (ký hiệu D1 thuộc khu 1)	ha	0,76	0,30	0,15	0,15	0,08	0,08	




STT	Danh mục dự án	Đơn vị	Phân theo giai đoạn						Nguồn vốn thực hiện
			Tổng cộng	Năm 2020-2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Công viên cây xanh đô thị	ha	7,59	1,90	1,20	1,90	1,20	1,39	NSNN
	Khu 1 (ký hiệu từ A7 đến A9)	ha	1,96	0,70	-	0,70	-	0,56	
	Khu 2 (ký hiệu từ A1 đến A6; A10; A11)		5,63	1,20	1,20	1,20	1,20	0,83	
II	Công trình đầu mối hạ tầng xã hội								
9	Trụ sở cơ quan ban ngành, đoàn thể	ha	1,54	0,50	0,40	0,30	0,20	0,14	NSNN
	Khu hành chính (ký hiệu C1 thuộc khu 2)	ha	1,54	0,50	0,40	0,30	0,20	0,14	
10	Công trình giáo dục	ha	4,77	2,00	1,20	0,70	0,49	0,38	NSNN
	Trường cấp I (ký hiệu C2 thuộc khu 2)	ha	1,29	0,50	0,40	-	0,39	-	
	Trường cấp II (ký hiệu C3 thuộc khu 2)		2,11	1,00	0,50	0,40	-	0,21	
	Trường Mẫu giáo (ký hiệu C4' thuộc khu 2)		0,40	0,20	0,05	0,05	0,10	-	
	Trường Mẫu giáo (ký hiệu C4 thuộc khu 2)		0,97	0,30	0,25	0,25	-	0,17	
11	Công trình văn hóa, thể thao	ha	9,95	3,90	2,20	2,35	0,88	0,62	NSNN
	Sân vận động (ký hiệu A1' thuộc khu 2)	ha	6,09	2,00	1,50	1,50	0,60	0,49	
	Nhà văn hóa (ký hiệu C7 thuộc khu 2)		3,16	1,50	0,70	0,70	0,13	0,13	
	Nhà thiếu nhi (ký hiệu C8 thuộc khu 2)		0,70	0,40	-	0,15	0,15	-	
12	Công trình thương mại, dịch vụ	ha	1,93	0,80	0,47	0,30	0,21	0,15	NSNN
	Cải tạo, mở rộng Chợ bách hóa tổng hợp (ký hiệu C5 thuộc khu 1)	ha	0,81	0,40	0,15	0,15	0,06	0,05	
	Cải tạo, mở rộng Chợ nông sản thực phẩm (ký hiệu C6 thuộc khu 1)		0,95	0,40	0,15	0,15	0,15	0,10	
	Cải tạo Bãi lên hàng (ký hiệu B2 thuộc khu 1)		0,17	-	0,17	-	-	-	
13	Công trình tôn giáo	ha	2,44	0,49	0,49	0,49	0,49	0,48	Các thành phần kinh tế khác
	Cải tạo Chùa khmer (ký hiệu L52 thuộc khu 2)	ha	2,44	0,49	0,49	0,49	0,49	0,48	
14	Các khu nhà ở	ha	50,34	8,45	10,19	11,51	9,14	11,04	Các thành
	Đất ở nhà phố (ký hiệu từ L1 đến L30 thuộc khu 2)	ha	20,29	3,89	4,42	3,97	3,86	4,15	



<





(1)	Danh mục dự án (2)	Đơn vị (3)	Phân theo giai đoạn						Nguồn vốn thực hiện (10)	
			Tổng cộng (4)	Năm 2020-2021 (5)	Năm 2022 (6)	Năm 2023 (7)	Năm 2024 (8)	Năm 2025 (9)		
	Trường mẫu giáo Sóc Sơn (điểm chính)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
	Trường mẫu giáo Sóc Sơn (điểm chính)		6						6	
			8						8	
7	Công trình Y tế (Quyết định số 1085/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh)	ha	60						60	NSNN
	Xây dựng mới Bệnh viện Sóc Xoài, tại thị trấn Sóc Sơn, quy mô 60 giường	giường	60						60	
8	Công trình Văn hóa, thể thao (Quyết định số 1085/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh)	ha	4							NSNN
	Xây dựng mới Trung tâm văn hóa :	ha	4						4	